

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Trung tâm y tế huyện Tân Kỳ tại thị trấn Tân Kỳ, huyện Tân Kỳ**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch và đô thị ngày 17/6/2009; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của UBND tỉnh về việc Quy định phân công, phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại văn bản số 927/SXD.HTKT ngày 30/03/2021 và số 1217/SXD.HTKT ngày 20/4/2021 về việc thẩm định Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trung tâm y tế huyện Tân Kỳ tại thị trấn Tân Kỳ, huyện Tân Kỳ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Trung tâm y tế huyện Tân Kỳ tại thị trấn Tân Kỳ, huyện Tân Kỳ, với những nội dung chính như sau:

1. Tên hồ sơ: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trung tâm y tế huyện Tân Kỳ tại thị trấn Tân Kỳ, huyện Tân Kỳ.

2. Chủ đầu tư: Trung tâm y tế huyện Tân Kỳ.

3. Vị trí, diện tích, ranh giới quy hoạch xây dựng:

- **Vị trí khu đất:** Tại thị trấn Tân Kỳ, huyện Tân Kỳ. Trên khu đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 785558 và số CT 077795 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 19/11/2020.

- **Diện tích, ranh giới:**

+ Tổng diện tích khu đất quy hoạch xây dựng: 37.486,60m², bao gồm 3 vị trí cụ thể như sau:

- Vị trí số 1: Có diện tích $23.009,90m^2$, ranh giới được xác định bởi đường nối các điểm A1, A2, A3, A4, A5, M1, A6, A7, A8, A9, A10, A11, A12, A13, A14, A15, A16, A17, A18, A19, A20, A21, M3, M2 và A1 (theo bản vẽ quy hoạch). Trong đó, hành lang đường điện có diện tích $55,60m^2$ được giới hạn bởi đường nối các điểm M1, M2, M3, M4, A7, A6 và M1. Các phía tiếp giáp như sau:

- + Phía Tây Bắc giáp: Đường dân sinh và khu dân cư khối 4.
- + Phía Đông Bắc giáp: Đường quy hoạch 35,0m.
- + Phía Tây Nam giáp: Đường dân sinh và khu dân cư khối 4.
- + Phía Đông Nam giáp: Khu dân cư khối 4.

- Vị trí số 2: Có diện tích $4.996,90m^2$, ranh giới được xác định bởi đường nối các điểm B1, B2, B3, ..., B14, B15 và B1 (theo bản vẽ quy hoạch). Các phía tiếp giáp như sau:

- + Phía Tây Bắc giáp: Khu dân cư khối 4.
- + Phía Đông Bắc giáp: Đường dân sinh.
- + Phía Tây Nam giáp: Đường dân sinh.
- + Phía Đông Nam giáp: Đường dân sinh.

- Vị trí số 3: Có diện tích $9.479,80m^2$, ranh giới được xác định bởi đường nối các điểm C1, C2, C3, C4, C5, C6, C7, C8, C9, M8, M9, C10, C11, C12, C13, ..., C19, C20, C21, M10, M5 và C1 (theo bản vẽ quy hoạch). Trong đó, hành lang đường điện có diện tích $833,20m^2$ được giới hạn bởi đường nối các điểm M5, M6, C4, M7, M8, M9, M10 và M5. Các phía tiếp giáp như sau:

- + Phía Tây Bắc giáp: Khu dân cư khối 4.
- + Phía Đông Bắc giáp: Khu dân cư khối 4.
- + Phía Tây Nam giáp: Đường quy hoạch 35,0m.
- + Phía Đông Nam giáp: Khu dân cư khối 4.

4. Các thông số quy hoạch và quy mô xây dựng công trình:

- Các thông số quy hoạch:

- + Diện tích xây dựng công trình (DT_{XD}): $5.675,0m^2$.
- + Diện tích sân đường, cây xanh và bãi đỗ xe: $31.811,6m^2$.
- + Mật độ xây dựng: 15%;
- + Tầng cao: 1 - 4 tầng.

- Các hạng mục công trình chính:

- (1). Cổng vào.
- (2). Khoa nhi, khoa 3 chuyên khoa, cao 03 tầng, $DT_{XD} 428,3m^2$ (đã XD).
- (3). Nhà điều trị (các khoa: Hồi sức cấp cứu, sản, ngoại, nhà mổ), cao 4 tầng,

$DT_{XD} 1.237,0m^2$.

- (4). Khoa nội, cao 2 tầng, DTXD 429,50m² (đã XD).
 - (5). Khoa cận lâm sàng, cao 2 tầng, DTXD 415,4m² (đã XD).
 - (6). Khoa khám bệnh, hành chính, cao 2 tầng, DTXD 498,5m² (đã XD).
 - (7). Khoa dược, khối dự phòng, cao 2 tầng, DTXD 400,0m² (đã XD).
 - (8). Khoa truyền nhiễm, cao 1 tầng, DTXD 265,2m² (đã XD).
 - (9). Khoa y học cổ truyền, cao 2 tầng, DTXD 453,50m² (đã XD).
 - (10). Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn, cao 1 tầng, DTXD 239,50m² (đã XD).
 - (11). Phòng khám 3 chuyên khoa, cao 1 tầng, DTXD 180,0m² (đã XD).
 - (12). Nhà đại thể, cao 1 tầng, DTXD 80,70m² (đã XD).
 - (13). Nhà đăng ký khám bệnh, cao 1 tầng, DTXD 46,50m² (đã XD).
 - (14). Kho thuốc ngoại trú, cao 1 tầng, DTXD 67,40m² (đã XD).
 - (15). Nhà để xe, cao 1 tầng, DTXD 236,40m² (đã XD).
 - (16). Nhà vệ sinh, cao 1 tầng, DTXD 36,60m² (đã XD).
 - (17). Nhà thuốc bệnh viện, cao 1 tầng, DTXD 48,30m² (đã XD).
 - (18). Nhà bảo vệ, cao 1 tầng, DTXD 14,0m² (đã XD).
 - (19). Khu dự phòng phát triển, DT 9.479,8 m².
 - (20). Nhà ăn, cao 1 tầng, DTXD 217,10m² (đã XD).
 - (21). Nhà điều trị phạm nhân, cao 1 tầng, DTXD 149,60m² (đã XD).
 - (22). Nhà xử lý chất thải rắn, cao 1 tầng, DTXD 33,50m² (đã XD).
 - (23). Khu xử lý nước thải tập trung, DTXD 198,0m².
 - (24). Hồ xử lý sự cố.
- (P). Bãi đậu xe.

5. Phê duyệt kèm theo Quyết định này bộ bản vẽ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Trung tâm y tế huyện Tân Kỳ tại thị trấn Tân Kỳ, huyện Tân Kỳ.

6. Các quy định về hạ tầng kỹ thuật và vệ sinh môi trường:

a) San nền: Căn cứ vào cao độ của khu vực xung quanh theo quy hoạch chung thị trấn Tân Kỳ đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 361/QĐ-UBND ngày 12/02/2020 để thiết kế cao độ san nền của dự án cho phù hợp với cao độ san nền khu vực. Cao độ cụ thể của dự án được xác định tại bước lập hồ sơ thiết kế cơ sở.

b) Thoát nước mưa: Bố trí hệ thống mương, cống thoát nước xung quanh dự án để thu gom toàn bộ nước mặt dẫn về hệ thống thoát nước chung của khu vực.

c) Thu gom xử lý nước thải: 100% lượng nước thải (sinh hoạt và y tế) được thu gom bằng đường ống riêng về trạm xử lý nước thải tập trung (ký hiệu số 13 trong bản vẽ quy hoạch), xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.



Handwritten signature or mark.

d) Thu gom xử lý rác thải:

- *Rác thải rắn sinh hoạt*: Được thu gom toàn bộ, phân loại và vận chuyển về khu xử lý chất thải rắn tập trung của địa phương theo đúng quy định.

- *Rác thải rắn Y tế*: 100% lượng rác thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án phải được thu gom, lưu giữ bảo quản và thực hiện công tác xử lý theo đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 quy định về quản lý chất thải y tế do Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.

Điều 2.

1. Yêu cầu chủ đầu tư:

- Tổ chức triển khai thực hiện dự án đúng quy hoạch xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đúng tiến độ đã cam kết, đảm bảo chất lượng; chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình triển khai thực hiện dự án, quản lý, sử dụng tài sản công.

- Tổ chức công khai các thông tin liên quan đến dự án theo quy định (quy hoạch xây dựng, tổ chức thi công, phương án quản lý dự án sau đầu tư, ...).

2. Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Cục Thuế; Chủ tịch UBND huyện Tân Kỳ, Chủ tịch UBND thị trấn Tân Kỳ, huyện Tân Kỳ chịu trách nhiệm hướng dẫn, giám sát việc thực hiện quy hoạch, thực hiện các nghĩa vụ đối với nhà nước, đầu tư xây dựng, sử dụng đất đai, tài sản công và hoạt động đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch UBND huyện Tân Kỳ, Chủ tịch UBND thị trấn Tân Kỳ, huyện Tân Kỳ; Thủ trưởng các cơ quan liên quan và chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT VX UBND tỉnh;
- Trưởng phòng Công nghiệp;
- Lưu: VT, CV(H.Tuấn);

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Đình Long